

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Sơn Tây
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư hóa chất tại Bệnh viện đa khoa Sơn Tây năm 2026-2027
- Tên gói thầu: Gói 9: Hóa chất xét nghiệm khoa Hóa sinh
- Giá gói thầu: 5.161.198.873 VND
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không bảo hiểm y tế và nguồn thu hợp pháp khác tại đơn vị..
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I,II năm 2026
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Tùy chọn mua thêm: Tối đa 30% tương đương 1.548.359.662 VND

2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
- Hàng hóa mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa.
- Nhà thầu đề xuất phạm vi cung cấp, ngày giao hàng phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
Phần 9.1: Hóa chất theo máy GEM 3000			
1.	Hóa chất xét nghiệm khí máu	Cartridge tối thiểu đo các thông số: Khí máu (pH, pCO ₂ , pO ₂), Điện giải (Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺), Glucose, Lactat, Hematocrit (Hct). Phù hợp cho máy xét nghiệm khí máu GEM 3000	300 test/ hộp
2.	Bơm tiêm tráng Heparin	Bơm tiêm tráng Heparin. Sử dụng 1 lần, vô khuẩn, chất liệu tối thiểu bằng nhựa y tế, dung tích 1 ml, có tráng Heparin	50 cái/ hộp
Phần 9.2: Hóa chất theo máy điện giải đồ EASYLYTE			
3.	Hóa chất điện giải 4 thông số Na/K/Cl/Ca	*Pack hóa chất điện giải sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na ⁺), Kali (K ⁺), Clorua (Cl ⁻), Canxi (Ca ⁺⁺) và Lithium (Li ⁺) trong huyết thanh, huyết tương người, máu toàn phần và nước tiểu bằng máy xét nghiệm điện giải *Thành phần tối thiểu: Standard A Solution: Na ⁺ ; K ⁺ ; Cl ⁻ ; Ca ⁺⁺ ; Li ⁺ ; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution: Na ⁺ ; K ⁺ ; Cl ⁻ ; Ca ⁺⁺ ; Li ⁺ ; Buffer Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution: Ammonium bifluoride Waste Container	800ml/hộp
4.	Điện cực quy chiếu Ca	Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải Na/K/Ca/pH và Na/K/Cl/Ca/Li	1 cái
5.	Điện cực Na ⁺	Điện cực Na dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1 cái
6.	Điện cực K ⁺	Điện cực K dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1 cái
7.	Điện cực Cl ⁻	Điện cực Cl dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1 cái
8.	Điện cực Ca ⁺⁺	Điện cực Ca dùng cho máy xét nghiệm điện giải	1 cái
9.	Dung dịch kiểm chuẩn 2 mức	Dung dịch kiểm chuẩn test Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Li ⁺ , Ca ⁺⁺ , pH, gồm 2 mức bình thường và bất thường. Thành phần tối thiểu gồm: dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản. Phù hợp với máy xét nghiệm điện giải Easylyte Expand.	2 x 10 ml
10.	Dây bơm	Bộ dây bơm dùng cho máy điện giải Thành phần tối thiểu gồm: 1 đường ống bơm, 1 đường ống mẫu và 1 đường ống mẫu ngắn	Hộp

11.	Dung dịch rửa máy	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải Thành phần tối thiểu 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: HCl, NH ₅ F ₂ và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: pepsin	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin
12.	Dung dịch pha loãng nước tiểu	Dịch pha loãng nước tiểu trước khi phân tích dùng cho máy xét nghiệm điện giải	500 ml
Phần 9.3: Hóa chất theo máy xét nghiệm nước tiểu COMBOSTIK R-300			
13.	Que test nước tiểu	Thanh thử nước tiểu 11 thông số chạy máy nước tiểu. Các thông số đo được tối thiểu: Glu (Glucose), Pro (Protein), pH, Bld (Blood – máu), Ket (Ketone), Nit (Nitrite), Bil (Bilirubin), Uro (Urobilinogen), SG (Specific Gravity), Leu(Leukocytes), AsA (Ascorbic Acid).	100 test/hộp
14.	Hóa chất kiểm chứng nước tiểu mức 1	Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, phù hợp cho cả xét nghiệm POCT, chứa 13 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại ≤2- ≥8°C.	12x12ml
15.	Hóa chất kiểm chứng nước tiểu mức 2	Dạng lỏng sử dụng ngay, 100% Nước tiểu người, phù hợp cho cả xét nghiệm POCT, chứa 13 thông số xét nghiệm. Ổn định đến hạn tại ≤2- ≥8°C..	12x12ml
Phần 9.4: Hóa chất theo máy BS800 và BX 4000			
16.	Hóa chất định lượng Albumin	Đề định lượng Albumin trong trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Thành phần, Nồng độ tối thiểu Bromcresolgreen: ≥ 0.15mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Lọ ≤ 100 ml
17.	Hóa chất định lượng GOT (AST)	Đề định lượng GOT (ASAT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Thành phần, nồng độ tối thiểu TRIS-Buffer: ≥ 80 mmol/L L-Aspartate: ≥ 200 mmol/L LDH: ≥ 0.8 U/mL MDH: ≥ 0.5 U/mL NADH: ≥ 0.18 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	R1: Lọ ≤ 100 ml + R2: Lọ ≤ 80ml

		hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	
18.	Hóa chất định lượng Amylase	Dùng để định lượng Amylase trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người trên hệ thống đo quang Thành phần, nồng độ tối thiểu: Buffer α -Glucosidase: ≥ 2 KU/L Ethyliden-G7-PNP: ≥ 3 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: $L_0 \leq 50$ ml + R2: $L_0 \leq 20$ ml
19.	Hóa chất định lượng GPT (ALT)	Để định lượng GPT (ALAT) trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Thành phần, nồng độ tối thiểu: Buffer: ≥ 70 mmol/L L-Alanine: ≥ 410 mmol/L LDH: ≥ 1.2 U/mL NADH: ≥ 0.3 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: $L_0 \leq 100$ ml + R2: $L_0 \leq 80$ ml
20.	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Để định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: $L_0 \leq 48$ ml + R2: $L_0 \leq 12$ ml
21.	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Để định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: $L_0 \leq 58$ ml + R2: $L_0 \leq 32$ ml
22.	Hóa chất định lượng Cholesterol	Để định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Thành phần, nồng độ tối thiểu: Phosphate buffer: ≥ 30 mmol/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 0.25 mmol/L Phenol: ≥ 5 mmol/L Cholesterolesterase: > 150 U/L	$L_0 \leq 100$ ml

		<p>Cholesteroloxydase: > 100 U/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	
23.	Hóa chất định lượng Creatine Kinase	<p>Đề định lượng nồng độ CK-NAC trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Thành phần, nồng độ tối thiểu: Imidazole: ≥ 83 mmol/l Magnesium acetate: ≥ 10 mmol/l Glucose: ≥ 20 mmol/l N-acetylcysteine: ≥ 0.2 mmol/l EDTA: ≥ 2 mmol/l ADP: ≥ 2 mmol/l NADP: ≥ 2 mmol/l AMP: ≥ 4.2 mmol/l Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G-6-PDH): ≥ 1.5 KU/l Hexokinase: ≥ 4 KU/l Phosphocreatine: ≥ 30 mmol/l Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: $L_0 \leq 50$ ml + R2: $L_0 \leq 20$ ml</p>
24.	Hóa chất định lượng CK-MB	<p>Đề định lượng CK-MB trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán in vitro. Thành phần, nồng độ tối thiểu: Imidazole: ≥ 83 mmol/ L Magnesium acetate: ≥ 10 mmol/L Glucose: ≥ 20 mmol/L N – acetylcysteine: ≥ 0.2 mmol/L EDTA: ≥ 2 mmol/L ADP: ≥ 2 mmol/L NADP: ≥ 2 mmol/L AMP: ≥ 4.2 mmol/L Glucose-6-phosphate dehydrogenase : ≥ 1.5 KU/L Hexokinase: ≥ 4 KU/L Phosphocreatine: ≥ 30 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: $L_0 \leq 50$ ml + R2: $L_0 \leq 20$ ml</p>
25.	Huyết thanh kiểm tra CK-MB mức bình thường	<p>Huyết thanh kiểm tra CK-MB Thành phần tối thiểu: là huyết thanh chuẩn dạng đông khô dựa trên huyết thanh người . Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	<p>$L_0 \leq 5$ml</p>

		Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	
26.	Huyết thanh kiểm tra CK-MB mức bất thường	Huyết thanh kiểm tra CK-MB Thành phần tối thiểu: là huyết thanh chuẩn dạng đông khô dựa trên từ huyết thanh người. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	$L_0 \leq 5\text{ml}$
27.	Chất hiệu chuẩn CK-MB	Thành phần tối thiểu: là huyết thanh chuẩn dạng đông khô dựa trên từ huyết thanh người. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	$L_0 \geq 1\text{ml}$
28.	Hóa chất định lượng Creatinine	Để định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: $L_0 \leq 67\text{ ml} +$ R2: $L_0 \leq 42\text{ ml}$
29.	Hóa chất định lượng GGT	Để định lượng GGT (Gamma-Glutamyltransferase) trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang Thành phần, nồng độ tối thiểu: TRIS-Buffer: $\geq 85\text{ mmol/L}$ Glycylglycin: $\geq 150\text{ mmol/L}$ L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: $\geq 2.9\text{ mmol/L}$ Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: $L_0 \leq 57\text{ ml} +$ R2: $L_0 \leq 32\text{ ml}$
30.	Hóa chất định lượng Glucose	Để định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro. Thành phần, nồng độ tối thiểu: Phosphate buffer: $\geq 0.1\text{ mol/L}$ Glucose oxidase: $\geq 4\text{ KU/L}$ Peroxidase: $> 1.5\text{ KU/L}$ Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	$L_0 \leq 100\text{ ml}$

31.	Hóa chất định lượng HDL- Cholesterol	<p>Đề định lượng nồng độ HDL-Cholesterol trong huyết thanh người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro</p> <p>Thành phần, nồng độ tối thiểu: Good's bufer: ≥ 30 mmol/L Cholesterolesterase: ≥ 600 U/L Cholesteroxidase: ≥ 380 U/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 0.9 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: $L_0 \leq 60$ ml + R2: $L_0 \leq 42$ ml</p>
32.	Hóa chất chuẩn HDL/LDL- Cholesterol	<p>Hóa chất hiệu chuẩn HDL/ LDL trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Thành phần tối thiểu: là huyết thanh đông khô sản xuất từ huyết thanh người Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>$L_0 \leq 3$ml</p>
33.	Hóa chất định lượng LDL- Cholesterol	<p>Đề định lượng LDL-Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro.</p> <p>Thành phần, nồng độ tối thiểu Good's buffer: ≥ 25mmol/L Cholesterolesterase : ≥ 600 U/L Cholesteroxidase: ≥ 500 U/L Catalase: ≥ 600 KU/L Good's buffer: ≥ 25 mmol/L 4-Aminoantipyrine: ≥ 3.4 mmol/L Peroxidase: ≥ 4 KU/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: $L_0 \leq 60$ ml + R2: $L_0 \leq 42$ ml</p>
34.	Hóa chất định lượng Protein	<p>Đề định lượng total Protein trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro</p> <p>Thành phần, nồng độ tối thiểu: Potassium iodide: ≥ 30 mmol/L Sodium hydroxide: ≥ 200 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>$L_0 \leq 100$ ml</p>
35.	Hóa chất định lượng Triglycerides	<p>Đề định lượng Triglyceride trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro</p>	<p>$L_0 \leq 100$ml</p>

		<p>Thành phần, nồng độ tối thiểu: Buffer: ≥ 40 mmol/L 4-Chlorophenol: ≥ 5 mmol/L Magnesium ione: ≥ 4.5 mmol/L ATP: ≥ 1 mmol/L Peroxidase: ≥ 0.5 U/mL Glycerol kinase: ≥ 0.4 U/mL 4-aminoantipyrine: ≥ 0.25 mmol/L Glycerol-3-phosphate oxidase: ≥ 1.5 U/mL Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	
36.	Hóa chất định lượng Urea	<p>Sử dụng trong xét nghiệm In vitro để định lượng Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro</p> <p>Thành phần, nồng độ tối thiểu: TRIS buffer: ≥ 50 mmol/L Urease: ≥ 1000 U/L Glutamate dehydrogenase: ≥ 0.4 KU/L NADH: ≥ 0.18 mmol/L Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: L_o \leq 100 ml + R2: L_o \leq 80 ml</p>
37.	Hóa chất định lượng Acid Uric	<p>Để định lượng Uric acid trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro</p> <p>Thành phần, nồng độ tối thiểu: Phosphate-buffer: ≥ 70 mmol/L Uricase: ≥ 0.75 U/mL POD: ≥ 10 U/mL Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: L_o \leq 100 ml + R2: L_o \leq 80 ml</p>
38.	Hóa chất định lượng CRP	<p>Xác định Protein phản ứng C (CRP) trong huyết thanh người.</p> <p>Thành phần, nồng độ tối thiểu: Đệm Sodium azide Kháng thể đa dòng từ dê kháng CRP người Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	<p>R1: L_o \leq 25 ml + R2: L_o \leq 10 ml</p>

39.	Bộ huyết thanh hiệu chuẩn CRP	<p>Để xây dựng đường chuẩn trong định lượng CRP (hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP) Thành phần tối thiểu: từ huyết tương chứa CRP Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	1 bộ gồm 5 mức, mỗi mức ≤ 1 ml
40.	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp	<p>Kiểm soát độ chính xác trong xác định CRP Thành phần tối thiểu: Là sự pha loãng từ huyết tương. Chất bảo quản: sodium azide Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	Lọ ≤ 1 ml
41.	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao	<p>Kiểm soát độ chính xác trong xác định CRP Thành phần tối thiểu: Là sự pha loãng từ huyết tương người. Chất bảo quản: sodium azide Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	Lọ ≤ 1 ml
42.	Hóa chất định lượng Protein niệu	<p>Để định lượng Protein trong dịch não tủy và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	Lọ ≤ 50 ml
43.	Chất kiểm tra cho xét nghiệm định lượng Protein niệu	<p>Dùng để kiểm soát Protein trong nước tiểu mức thấp/cao Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	L1: Lọ ≥ 1 ml; L2: Lọ ≥ 1 ml
44.	Hóa chất định lượng Microalbumin	<p>Xác định Microalbumin trong nước tiểu người Thành phần, nồng độ tối thiểu: Accelerator Sodium azide Đệm Kháng thể đa dòng từ dê kháng albumin người Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000</p>	R1: Lọ ≤ 25 ml + R2: Lọ ≤ 10 ml

45.	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Microalbumin mức thấp	Vật liệu kiểm soát Microalbumin mức thấp Kiểm soát độ chính xác đối với định lượng sinh hóa miễn dịch Microalbumin trong nước tiểu (albumin niệu). Thành phần tối thiểu: Từ huyết tương người Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Lọ ≤ 1 ml
46.	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm Microalbumin mức cao	Vật liệu kiểm soát Microalbumin mức cao Kiểm soát độ chính xác đối với định lượng sinh hóa miễn dịch Microalbumin trong nước tiểu Thành phần tối thiểu: Từ huyết tương người Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Lọ ≤ 1 ml
47.	Hóa chất chuẩn Microalbumin	Chất hiệu chuẩn Microalbumin 5 mức Thành phần tối thiểu: Từ huyết tương người Chất bảo quản: Natri Azide Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Bộ gồm 5 mức, mỗi mức ≤ 1 ml
48.	Hóa chất định lượng Iron	Đề định lượng Sắt trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẵn đoán in vitro Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: Lọ ≤ 50ml + R2: Lọ ≤ 20ml
49.	Huyết thanh kiểm tra mức bình thường	Dùng để kiểm tra các giá trị mức thường đa thông số dựa trên huyết tương hoặc huyết thanh người Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Lọ ≤ 5 ml
50.	Huyết thanh kiểm tra mức cao	Dùng để kiểm tra các giá trị mức bất thường đa thông số dựa trên huyết tương hoặc huyết thanh người. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Lọ ≤ 5 ml
51.	Huyết thanh hiệu chuẩn	Chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người.	Lọ ≤ 3 ml

		Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	
52.	Dung dịch rửa máy sinh hóa	Được sử dụng làm sạch máy xét nghiệm Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	Lọ ≤ 2000ml
53.	Hóa chất định lượng Alcohol	Đề định lượng Alcohol (cồn) trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	R1: Lọ ≤ 28ml + R2: Lọ ≤ 7ml
54.	Chất hiệu kiểm chuẩn Alcohol	Chất kiểm chuẩn/ kiểm soát được sử dụng cho xét nghiệm Alcohol (Blood Ethanol). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá BS-800 và máy BX-4000	L1: Lọ ≤ 10 ml + L2: Lọ ≤ 10 ml + Cal (nếu có) ≤ 2ml
55.	Dung dịch rửa máy BX 4000 (1)	Chất làm sạch cho máy xét nghiệm Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá máy BX-4000	Lọ ≤ 1000ml
56.	Dung dịch rửa máy BX 4000 (2)	Được sử dụng làm sạch máy xét nghiệm Thành phần tối thiểu: Dung dịch có tính kiềm Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá máy BX-4000	Lọ ≤ 2000ml
57.	Dung dịch rửa máy BX 4000 (3)	Chất làm sạch cho máy xét nghiệm Thành phần tối thiểu: Có chứa chất hoạt động bề mặt Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Phù hợp chạy trên máy xét nghiệm sinh hoá máy BX-4000	Lọ ≤ 2000ml
58.	Bóng đèn Halogen theo máy Bs 800	Bóng đèn Halogen 12V20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa BS800	1 cái
59.	Bóng đèn Halogen theo máy BX 4000	Bóng đèn Halogen 12V20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa BX4000.	1 cái
Phần 9.5: Hóa chất theo máy Premier Hb9210			

60.	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	Hóa chất xét nghiệm HbA1c sử dụng trên máy Premier Hb9210. Thành phần tối thiểu: - Dung dịch Buffer A: Nước, Methanol, dd Ammonia - Dung dịch Buffer B: Nước, Methanol, dd Ammonia - Dung dịch Diluent: Nước, TRITON X100, Sodium azide - Dung dịch Wash: Nước, Ethanol, Methanol, Sodium azide - Cột phân tích: Polymer gel Phù hợp với máy xét nghiệm HbA1C trên máy sắc ký lỏng Premier Hb9210	500 tests /Bộ (Bộ 500 Test)
61.	Chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Hba1c	Hóa chất sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng Glycated Hemoglobin. Thành phần tối thiểu: Máu toàn phần Phù hợp với máy xét nghiệm HbA1C trên máy sắc ký lỏng Premier Hb9210	2x500µl /Hộp
62.	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Hba1c	Hóa chất sử dụng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng Hba1C theo nguyên lý ái lực. Thành phần tối thiểu: Máu toàn phần Phù hợp với máy xét nghiệm HbA1C trên máy sắc ký lỏng Premier Hb9210	2x500µl /Hộp

3. Các yêu cầu khác

- Nộp bản cam kết và thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư các nội dung sau:

+ Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;

+ Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp;

+ Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa;

+ Cung cấp hàng mẫu trong trường hợp có yêu cầu của Chủ đầu tư;

+ Thời gian giao hàng: Chậm nhất là 72 giờ sau khi nhận được dự trừ của bên mua (bằng E-mail hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp); Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất, khẩn cấp... bắt buộc giao hàng tại kho bên mua không quá 24 giờ;

+ Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được với trang thiết bị hiện có của đơn vị thụ hưởng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của chủ đầu tư;

+ Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT;

+ Thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư trong trường hợp hàng hóa có bất kỳ thay đổi từ nhà sản xuất.

- Nhà thầu chuẩn bị 1 bộ E-HSMT bản gốc để Chủ đầu tư lưu trữ khi được mời đối chiếu tài liệu.